

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG OLIVIA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG OLIVIA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OLIVIA VIET NAM ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: OLIVIA VIET NAM ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110386155

**3. Ngày thành lập:** 14/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7, Ngách 48, Ngõ 100 Đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0949.686.966

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</li> <li>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>- Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>- Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>- Uôn thép,</li> <li>- Xây gạch và đặt đá,</li> <li>- Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>- Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 5. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 6. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>(Trừ vàng và các kim loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</li> <li>- Bán buôn xi măng</li> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim</li> <li>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 8. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kiến trúc</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</li> <li>- Khảo sát xây dựng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khảo sát địa hình</li> <li>+ Khảo sát địa chất công trình</li> </ul> </li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp dầu khí</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng: Nhiệt điện, điện địa nhiệt; Thủy điện; Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều; Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas; Đường dây và trạm biến áp</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông : Đường bộ; Đường sắt; Cầu - hầm; Đường thủy nội địa, hàng hải</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)</li> <li>+ Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Cấp nước, thoát nước; Xử lý chất thải</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...)</li> </ul> </li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng</li> <li>+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp</li> <li>+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông</li> <li>+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> </ul> </li> </ul> | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</li> <li>+ Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, bao gồm :</li> <li>+ Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp - hạ tầng kỹ thuật</li> <li>+ Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông</li> <li>+ Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng</li> <li>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</li> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy</li> <li>- Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy</li> </ul> |             |
| 9.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7120        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;</li> <li>- Hoạt động trang trí nội thất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 11. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ</li> <li>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ</li> <li>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4784        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730        |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101(Chính) |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221 |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4222 |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4223 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4229 |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291 |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4292 |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4293 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (Ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299 |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 20.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐẶNG ĐÌNH<br>NGỌC  | Thôn 4, Xã Phúc<br>Sơn, Huyện Anh<br>Sơn, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.000         | 40.000.000               | 20,000       | 187141598                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 4.000         | 40.000.000               | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>HỮU SANG | Thôn 5, Xã Phúc<br>Sơn, Huyện Anh<br>Sơn, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 12.000        | 120.000.000              | 60,000       | 0400940083<br>94                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 12.000        | 120.000.000              | 60,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                               |                                    |       |            |        |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|--------|------------------|
| 3 | TRƯƠNG<br>TUẤN KIẾT | Thôn Nha Tiến,<br>Xã Nhân Bình,<br>Huyện Lý Nhân,<br>Tỉnh Hà Nam,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.000 | 40.000.000 | 20,000 | 0352000040<br>07 |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                               | Tổng số                            | 4.000 | 40.000.000 | 20,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040094008394

Ngày cấp: 02/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 5, Xã Phúc Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 5, Xã Phúc Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội